

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
					15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	55%			
1	142251476	Đỗ Khánh	Định	K15KMT	9				8	7		8	8.1	Tám phẩy Một	
2	142251495	Nguyễn Thị Kim	Huế	K15KMT	9				8	7		9	8.6	Tám phẩy Sáu	
3	142251543	Hoàn Văn	Quân	K15KMT	0				0	0		HP	0.0	Không	Nợ HP
4	151135155	Bùi Văn	Hiếu	K15KMT	8				8	7		5	6.3	Sáu phẩy Ba	
5	152145781	Nguyễn Anh	Tú	K15KMT	8				9	7.5		7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
6	152253074	Huỳnh Tấn	Huy	K15KMT	9				8	7		6	7.0	Bảy	
7	152253076	Trần Thị Mỹ	Hạnh	K15KMT	10				9	7		9	9.0	Chín	
8	152253078	Đỗ Thị Phương	Thảo	K15KMT	10				9	8.5		8	8.6	Tám phẩy Sáu	
9	152253079	Lê Thị Ánh	Minh	K15KMT	10				8	9		9	9.0	Chín	
10	152253081	Nguyễn Thanh	Nhật	K15KMT	10				8	7		6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
11	152253082	Huỳnh Văn Anh	Vũ	K15KMT	9				8	7		7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
12	152253083	Trần Quốc	Hải	K15KMT	10				8.5	8		9	9.0	Chín	
13	152253084	Trần Thị Bá	Linh	K15KMT	9				8	7		7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
14	152253085	Lê Quang	Linh	K15KMT	9				8	8		5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
15	152253086	Phạm Thị Ngọc	Huyền	K15KMT	10				9	8		9	9.1	Chín phẩy Một	
16	152253087	Huỳnh Văn	Khoa	K15KMT	8				9	7		4	5.9	Năm phẩy Chín	
17	152253089	Nguyễn Thị Khánh	Vi	K15KMT	7				9	7		9	8.5	Tám phẩy Năm	
18	152253090	Nguyễn Đôn	Tân	K15KMT	8				8	8		6	6.9	Sáu phẩy Chín	
19	152253091	Võ Thị Xuân	Vy	K15KMT	8				9	7.5		7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
20	152253095	Lê Thế	Bảo	K15KMT	8				8	8		7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
21	152253097	Đỗ Thành	Kiểm	K15KMT	9				8	7		7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
22	152253101	Võ Văn	Đạt	K15KMT	10				8	8		5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
23	152253102	Hoàng Nữ Thùy	Linh	K15KMT	9				8	8.5		8	8.2	Tám phẩy Hai	
24	152253105	Lê Thị Kiều	Oanh	K15KMT	10				8	7		9	8.8	Tám phẩy Tám	
25	152253107	Đặng Thị Hoài	Thanh	K15KMT	10				8	8.5		9	8.9	Tám phẩy Chín	
26	152253111	Trần Khánh	Phương	K15KMT	9				8	7		9	8.6	Tám phẩy Sáu	
27	152253112	Nguyễn Hữu	Lộc	K15KMT	8				8	7		8	7.9	Bảy phẩy Chín	
28	152253113	Trương Thị Thanh	Thúy	K15KMT	9				9	7		9	8.8	Tám phẩy Tám	
29	152253116	Lê Thị Bích	Sen	K15KMT	10				8	7.5		9	8.8	Tám phẩy Tám	
30	152253120	Nguyễn Thanh	Tùng	K15KMT	8				8	7		7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
31	152253121	Ngô Hoàng	Kha	K15KMT	10				8	7		7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
32	152253122	Nguyễn Thị	Lâm	K15KMT	10				8	7.5		9	8.8	Tám phẩy Tám	
33	152253123	Nguyễn Thị Thanh	Loan	K15KMT	10				9.5	7		9	9.1	Chín phẩy Một	
34	152253124	Nguyễn Hữu Quốc	Anh	K15KMT	9				8	7		9	8.6	Tám phẩy Sáu	

MÃ MÔN : POS 361

Học kỳ : 9

Thời gian : 07h30 - 08/10/2013

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	55%				
35	152253125	Lê Vĩnh Mi	Sa	K15KMT	8				9	7		9	8.7	Tám phẩy Bảy	
36	152253127	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	K15KMT	9				8	7.5		7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
37	152253130	Nguyễn Ngọc	Thành	K15KMT	10				8	8		5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
38	152253132	Võ Thị Tú	An	K15KMT	10				8	7		9	8.8	Tám phẩy Tám	
39	152253135	Lê Nguyễn Trà	Nhi	K15KMT	9				9	7		8	8.3	Tám phẩy Ba	
40	152253136	Nguyễn Thị Kim	Chi	K15KMT	8				8	7		ĐC	0.0	Không	
41	152255549	Trần Bá	Dũng	K15KMT	8				8	8		8	8.0	Tám	
42	152255550	Đỗ Nhật	Quang	K15KMT	8				8	7		7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
43	152255552	Nguyễn Nữ Mai	Linh	K15KMT	8				8	8		9	8.6	Tám phẩy Sáu	
44	152255763	Nguyễn Thị Ý	Nhi	K15KMT	10				8	7.5		9	8.8	Tám phẩy Tám	
45	152255838	Đoàn Thị	Hằng	K15KMT	9				8	7		7	7.5	Bảy phẩy Năm	
46	152255839	Đinh Nam Huyền	Trang	K15KMT	9				8	7.5		5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
47	152255911	Phan Quốc	Bình	K15KMT	8				8	8		9	8.6	Tám phẩy Sáu	
48	152255912	Nguyễn Thị Thanh	Hương	K15KMT	10				8	8.5		9	8.9	Tám phẩy Chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	46	96%	
2	Số sinh viên nợ	2	4%	
TỔNG CỘNG :		48	100%	

Đà Nẵng, 05/11/2013

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Quốc Toàn

Trần Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Minh Phương

Ths. Nguyễn Ân